NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại ngày 30.06.2016 Triệu đồng	Tại ngày 31.12.2015 Triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt	**384.786**	**446.627**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	**2.396.556**	**9.460.117**
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	**19.760.050**	**23.097.193**
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	19.129.995	22.439.122
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	630.055	658.071
Chứng khoán kinh doanh	**667.070**	**591.185**
Chứng khoán kinh doanh	667.191	591.565
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(121)	(380)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	**43.114**	**24.451**
Cho vay khách hàng	**29.735.434**	**27.084.508**
Cho vay khách hàng	30.276.366	27.656.079
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(540.932)	(571.571)
Chứng khoán đầu tư	**14.045.760**	**10.516.364**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	14.247.816	10.696.113
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(202.056)	(179.749)
Tài sản cố định	**29.012**	**31.692**
Tài sản cố định hữu hình	27.219	31.499
Nguyên giá	216.450	214.485
Giá trị hao mòn lũy kế	(189.231)	(182.986)
Tài sản cố định vô hình	1.793	193
Nguyên giá	4.090	2.374
Giá trị hao mòn lũy kế	(2.297)	(2.181)
Tài sản có khác	**911.475**	**963.188**
Các khoản phải thu	138.331	68.556
Các khoản lãi, phí phải thu	635.551	636.823
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20.018	137.718
Tài sản có khác	117.575	120.091
TỔNG TÀI SẢN CÓ	**67.973.257**	**72.215.325**
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	**3.196.925**	**2.568.685**
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	3.196.925	2.568.685
Tiền gửi của khách hàng	**52.882.631**	**57.957.650**
Các khoản nợ khác	**1.122.042**	**1.702.768**
Các khoản lãi, phí phải trả	83.173	114.643
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.038.869	1.588.125
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**57.201.598**	**62.229.103**
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**10.771.659**	**9.986.222**
Vốn của tổ chức tín dụng	7.528.000	7.528.000
Quỹ của tổ chức tín dụng	1.315.798	1.315.798
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.927.861	1.142.424
TỔNG VỐN	**10.771.659**	**9.986.222**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**67.973.257**	**72.215.325**
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	**14.180.166**	**12.193.142**
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	7.128.889	6.627.609
Bảo lãnh khác	7.051.277	5.565.533
CÁC CAM KẾT	**33.335.335**	**37.616.459**
Cam kết giao dịch hối đoái	25.812.822	29.789.890
- Cam kết mua ngoại tệ	11.775.008	13.666.378
- Cam kết bán ngoại tệ	11.645.049	13.463.246
- Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	2.392.765	2.660.266
Cam kết cho vay không hủy ngang	4.241.563	4.543.069
Hợp đồng hoán đổi lãi suất	3.280.950	3.283.500

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2016 Triệu đồng	30.06.2015 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.371.233	1.508.148
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(253.556)	(348.593)
Thu nhập lãi thuần	**1.117.677**	**1.159.555**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	406.729	386.017
Chi phí hoạt động dịch vụ	(79.499)	(60.979)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**327.230**	**325.038**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**448.821**	**306.025**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**10.242**	**22.083**
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**(22.307)**	**71.403**
Thu nhập từ hoạt động khác	26.798	111.205
Chi phí hoạt động khác	(2.298)	(1.745)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**24.500**	**109.460**
Chi phí hoạt động	**(934.065)**	**(1.052.702)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**972.098**	**940.862**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**3.452**	**(82.270)**
Tổng lợi nhuận trước thuế	**975.550**	**858.592**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(72.413)	(80.399)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(117.700)	(110.548)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**(190.113)**	**(190.947)**
Lợi nhuận sau thuế	**785.437**	**667.645**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

	Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2016 Triệu đồng	30.06.2015 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.388.243	1.799.613
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(285.026)	(373.032)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	334.093	324.912
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	458.942	397.919
(Chi phí)/thu nhập khác	(2.230)	79.179
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	26.682	29.930
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.366.197)	(1.311.895)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(259.222)	(185.077)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG	**295.285**	**761.549**
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	8.197	5.136.253
Tăng về kinh doanh chứng khoán kinh doanh và chứng khoán sẵn sàng để bán	(3.135.352)	(2.270.991)
Tăng về các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(18.663)	-
(Tăng)/giảm các khoản cho vay khách hàng	(2.620.287)	2.243.840
Sử dụng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(27.325)	(33.981)
Tăng khác về tài sản hoạt động	(50.023)	(19.496)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	628.240	(2.862.526)
Giảm tiền gửi của khách hàng	(5.075.019)	(5.802.503)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(13.684)
(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động	(39.199)	61.611
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	**(10.034.146)**	**(2.799.928)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(5.100)	(15.610)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	54	788
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	**(5.046)**	**(14.822)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lợi nhuận đã chia	(347.955)	(895.224)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	**(347.955)**	**(895.224)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	**(10.387.147)**	**(3.709.974)**
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	**31.906.076**	**29.238.003**
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	**21.518.929**	**25.528.029**

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 30.06.2016 Triệu đồng, %	Tại ngày 30.06.2015 Triệu đồng, %
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Tổng tài sản	67.973.257	72.215.325
Tỷ lệ an toàn vốn	18%	20%
Nợ quá hạn	842.343	920.034
Nợ xấu	454.155	508.347
Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động	55,41%	48%
Số dư bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
Số dư nợ quá hạn/Tổng dư nợ	1,79%	1,92%
Số dư nợ xấu/Tổng dư nợ	0,97%	1,06%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	29%	33%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
- Bằng đồng Việt Nam	Tuân thủ	Tuân thủ
- Bằng ngoại tệ	Tuân thủ	Tuân thủ

	Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2016 Triệu VND	30.06.2015 Triệu VND
Doanh số huy động tiền gửi	911.184.816	784.521.716
Doanh số cho vay	41.662.758	50.469.386
Doanh số thu nợ	41.112.479	52.890.618

Hà Lê Thảo Vy
Kiểm soát Tài chính

Nguyễn Thị Thanh Trúc
Giám đốc Tài chính

Phạm Hồng Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT

Báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt kèm theo, được lập ngày 22 tháng 8 năm 2016, từ trang 2 đến trang 8, bao gồm Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và các chỉ số tài chính quan trọng được trích từ báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được soát xét. Chúng tôi đã đưa kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ này tại Báo cáo kết quả công tác soát xét lập ngày 22 tháng 8 năm 2016. Báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ này và báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kết quả công tác soát xét nói trên.

Báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc
Tổng Giám Đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt theo các tiêu thức quy định bởi pháp luật.

Trách nhiệm của kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và theo các yêu cầu có liên quan của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

Kết luận của kiểm toán viên
Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ tóm tắt đính kèm - được trích từ báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng đã được soát xét - không phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ đã được soát xét, phù hợp với tiêu thức được quy định bởi pháp luật.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

Nguyễn Phi Lan
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0573-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5564
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2016

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh

PUBLIC - Phát hành bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)